

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HS - PT.

Ngày: 22 - 4 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Bà Trần Thị Hà.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khánh Hưng - Thẩm tra viên
Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh C1 -
Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2022/TLPT-HS ngày 28/02/2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn C và các đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Mạnh H đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2022/HS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1986; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh B;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do;

Trình độ học vấn: 9/12; Đảng, đoàn thể: Không;

Con ông Nguyễn Văn T (Đã chết);

Con bà La Thị D, sinh năm 1962 (Đã chết);

Vợ Nông Thị C, sinh năm 1986;

Có 01 con, sinh năm 2008.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại bản án số: 02/2009/HSST ngày 09/7/2009 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc” (Tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của các đối tượng trong vụ án là 1.210.000đ) và phải chịu 50.000đ

án phí hình sự sơ thẩm. Do có thay đổi pháp luật nên hành vi này không được coi là tội phạm nữa.

- Tại bản án số: 01/2020/HSST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Giá trị tài sản trộm cắp là 1.100.000đ). Ngày 20/11/2020, C chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền án:

- Tại bản án số: 254/2012/HSST ngày 24/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 08 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung 5.000.000đ và phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 23/12/2019, C chấp hành xong tiền phạt và án phí.

- Tại bản án số: 01/2012/HSST ngày 17/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 2.100.000đ). Buộc phải bồi thường 400.000đ và phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 23/9/2013, C chấp hành xong án phí.

Ngày 30/6/2015, C chấp hành xong hình phạt tù của bản án số: 254/212/HSST ngày 24/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang và bản án số: 01/2012/HSST ngày 17/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Tại bản án số: 02/2017/HSST ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Giá trị tài sản trộm cắp là 3.000.000đ) và phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 29/03/2017, C chấp hành xong án phí, ngày 28/12/2017, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C:** Bà Nguyễn Hải Linh - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1990; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Khu 5, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh L;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Đảng, đoàn thể: Không;

Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961;

Con bà Đỗ Thị L, sinh năm 1961;

Vợ: Bé Thị G, sinh năm 1992 (Không đăng ký kết hôn);

Con: Có 01, sinh năm 2015 (Con ngoài giá thú).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt do bị cáo rút kháng cáo).

Trong vụ án còn có 01 người bị hại không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi sáng ngày 30/7/2019, Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1990, trú tại khu 5, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh L đi nhờ xe mô tô của người quen từ nhà xuống thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang để chuộc xe mô tô của mình đã cầm cố mấy hôm trước. Khi H đến cửa hàng mà H đã cầm cố xe mô tô mấy hôm trước thì chủ quán không có nhà. Sau đó H bảo người lái xe mô tô H đi nhờ chở H vào nhà Nguyễn Văn C, sinh năm 1986, trú tại thôn M, xã A (Nay là xã V), huyện S là người quen của H chơi. Khi H vào nhà C thì lúc này có C và anh Phạm Văn H1, sinh năm 1995, trú tại khu 2, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh L ở đó (H, C, H1 đều là người quen biết nhau từ trước). H vào nhà C chơi với H1 và C đến buổi trưa cùng ngày thì cả 03 người cùng nhau nấu cơm ăn. Ăn cơm xong thì anh H1 đi tắm tại nhà tắm của gia đình C, quá trình tắm anh H1 có sử dụng đồ dùng của vợ C nhưng không hỏi C, do bức tức việc anh H1 dùng đồ tắm của vợ mình nhưng không hỏi nên C đã dùng chân tay đánh anh H1. Do biết anh H1 còn nợ tiền của Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, trú tại L, xã A, huyện S, tỉnh B từ trước (T là anh trai ruột của C) nên C đã gọi điện thông báo cho T biết anh H1 đang ở nhà mình để T đến đòi nợ. Khoảng một lúc sau thì T đi xe mô tô đến nhà C để đòi nợ số tiền anh H1 nợ T 3.300.000đ (Theo lời khai của T). Do không có tiền trả nợ nên anh H1 đã hỏi vay của H số tiền 5.500.000đ để trả cho T và hẹn ngày hôm sau (31/7/2019) sẽ trả lại tiền cho H tại nhà C, nên H đưa cho anh H1 mượn số tiền 5.500.000đ, anh H1 cầm tiền và đưa cho T số tiền 5.500.000đ (theo lời khai của H). Khi vay tiền của H, anh H1 và H thống nhất với nhau nhờ T viết giấy vay tiền hộ. Do trước đó anh H1 đã nợ tiền của T nên H và anh H1 thống nhất nhờ T viết giấy vay tiền với nội dung: “Tên tôi là Phạm Văn H1 SN 16/01/1995. HKTT. K2-TT-Nông trường đình lập - lạng sơn. Ngày 30/7/2019 - tôi có vay của anh Nguyễn Văn T trú quán thôn mật an lập - Sơn động số tiền là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) hẹn ngày 31/07/2019, tôi sẽ hoàn trả đầy đủ nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Khi T viết giấy vay tiền xong, anh H1 ký tên vào mục người

vay, Nguyễn Mạnh H ký tên vào mục người làm chứng. Bên dưới ghi thêm: Ngày 31/07/2019 anh H1 phải hoàn trả đầy đủ số tiền là 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng cho anh T anh T nhờ người cầm hộ là Nguyễn Mạnh H SN 1990 trú tại nông trường đình lập lạng sơn). Nguyễn Văn T ký tên vào mục người cho vay (theo lời khai của Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Văn T (BL: 72). T viết giấy vay tiền xong đưa cho H cầm, sau đó H và anh H1 đi bộ ra đường Quốc lộ 31 rồi bắt xe ô tô đi về nhà.

Buổi sáng ngày 31/7/2019, Nguyễn Mạnh H đón xe ô tô đi từ nhà mình xuống thị trấn An Châu, huyện Sơn Động rồi đi bộ vào nhà C để chờ anh H1 đến trả nợ. Khoảng 10 giờ cùng ngày thì anh H1 gọi điện thoại cho H nói là anh H1 đang ở nhà xuống nhà C, H chơi ở nhà C đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì anh H1 lại gọi điện cho H nói là đang ở thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang về nhà C và bảo H cứ chờ ở nhà C để anh H1 về trả nợ rồi anh H1 tắt máy. H gọi điện lại cho anh H1 nhưng anh H1 không nghe máy, khoảng mấy phút sau anh H1 gọi điện thoại lại cho H bằng một số điện thoại khác và hỏi H đang ở đâu, H trả lời vẫn đang ở nhà C và H nói với anh H1 là thế không về trả nợ tao à, anh H1 trả lời là cứ chờ ở đây em đang ở Chũ về rồi anh H1 tắt máy. Khoảng mấy phút sau thì H gọi vào số máy của anh H1 nhưng không gọi được nên H gọi vào số máy của anh H1 vừa gọi cho H thì có một giọng trẻ em nghe máy, H nói với người nghe máy là cho gặp chú vừa gọi điện, thì cháu này nói chú ấy mượn máy của bố cháu gọi và thuê bố cháu chở xe ôm về thị trấn Nông Trường Thái Bình, H hỏi lại là nhà cháu ở đâu thì cháu nghe máy nói là nhà cháu ở xã Vân Sơn, huyện Sơn Động. Biết anh H1 không đến nhà C để trả nợ cho mình nên H nói với C về việc anh H1 nợ tiền của mình hẹn hôm nay đến nhà C trả nhưng anh H1 không đến. Sau đó H rủ C đi tìm anh H1 để đòi số tiền mà anh H1 đã nợ H thì C đồng ý, H nhờ C gọi xe taxi đến để chở H và C đi tìm anh H1. C gọi điện cho anh Lý Văn T1, sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã L, huyện S, tỉnh B là người lái xe taxi để thuê chở H và C đi tìm anh H1. Do anh T1 bận không đi chở H và C được nên anh T1 đã điện cho anh C1, sinh năm 1983, trú tại thôn V, xã A, huyện S, tỉnh B cũng là người lái xe taxi và cho số điện thoại của C để anh C1 liên hệ đến chở H và C. Khoảng 14 giờ cùng ngày anh C1 lái xe ô tô biển kiểm soát: 98A-161.88 của mình đi đến thôn Chảo, xã Vĩnh An đón H, C. Khi H và C lên xe ô tô của anh C1 thì H bảo anh C1 chở H và C đi từ thôn Chảo xã Vĩnh An theo đường Quốc lộ 31 đi theo hướng đi lên huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn để tìm anh H1. Khi đi đến đoạn đường Quốc lộ 31 thuộc thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động thì H nhìn thấy H1 đang ngồi uống nước tại quán bán hàng tạp hóa của gia đình ông Lê Văn Toàn, sinh năm 1964 vợ là Lê Thị Liên, sinh năm 1963, ở thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động. Nhìn thấy anh H1 thì H nói với anh C1 là đồ

xe chờ ở ngoài đường, sau đó H và C xuống xe đi vào gặp anh H1, khi vào gặp anh H1 thì H và C bảo anh H1 trả tiền nước rồi đi về nhà C để nói chuyện về việc anh H1 vay tiền của H nhưng không trả. Lúc này anh H1 bỏ chạy vào nhà ông Lê Văn Toàn đóng cửa lại rồi chạy ra cửa sau chạy lên đồi cây keo ở phía sau nhà ông Toàn. Thấy anh H1 bỏ chạy nên H, C đuổi theo đến cửa nhà ông Toàn thì H chạy quay lại ra đường Quốc lộ 31 đi về hướng xã An Lạc, huyện Sơn Động để đón đầu còn C đuổi theo qua nhà ông Toàn ra phía sau lên đồi cây keo khoảng 400m – 500m thì bắt được anh H1. C dùng tay túm cổ áo anh H1 đưa anh H1 về sân trước cửa nhà ông Toàn. Khi đưa anh H1 về đến sân nhà ông Toàn thì C gọi H bảo xe ô tô của anh C1 quay lại đón để đưa H1 về nhà C. Lúc này anh H1 không đi theo C mà chống cự rồi nằm ra sân nhà ông Toàn, bám tay vào một gốc cây cảnh và kêu cứu. Thấy anh H1 kêu cứu thì có một số người dân ở gần đó và vợ chồng ông Toàn ra xem, lúc này anh H1 nhờ ông Toàn điện báo Công an. Do anh H1 không đi nên C đã một tay túm áo anh H1, một tay đánh vào gáy và lưng anh H1, sau đó C lấy một con dao (dạng dao bấm) không chế, anh H1 đưa anh H1 ra Quốc lộ 31 chỗ xe ô tô của anh C1 đỗ, rồi H mở cửa xe cho C đưa anh H1 lên xe. Khi lên xe ô tô của anh C1, thì H, C và anh H1 ngồi ở hàng ghế phía sau, H và C mỗi người một bên còn anh H1 ngồi ở giữa. Trong xe ô tô trên đường đưa anh H1 về nhà C thì C có dùng tay đánh vào đầu và người anh H1, dùng cán dao đập vào chân anh H1. Khi về đến đoạn đường từ Quốc lộ 31 rẽ vào nhà C thì anh C1 dùng xe ô tô để C, H và anh H1 xuống xe. Khi xuống xe thì H trả cho anh C1 số tiền 250.000đ tiền thuê xe, anh C1 cầm tiền của H rồi lái xe ô tô đi về, còn C, H đi bộ đưa anh H1 vào trong nhà C. Khi vào trong nhà C thì C dùng tay đánh vào đầu, gáy anh H1, rồi C bắt anh H1 nằm sấp xuống nền nhà dùng 01 chiếc gậy gỗ đánh vào mông anh H1, sau đó C bắt anh H1 quỳ gối ở nền nhà để H nói chuyện với anh H1 buộc anh H1 phải trả cho H số tiền 5.500.000đ anh H1 đã nợ H từ hôm trước. Do anh H1 không có tiền trả nên anh H1 có nói với C và H là đợi bố anh H1, hoặc có người nhà gửi tiền vào tài khoản đến thì sẽ trả H. H nói cho anh H1 điện thoại cho bố anh H1 hoặc bạn để gửi tiền vào tài khoản của H1, khi có tiền thì sẽ đưa H1 đi rút tiền để trả nợ, nhưng H1 không điện cho ai. Khi C và H bắt giữ anh H1 tại sân nhà ông Nguyễn Văn Toàn, anh H1 có nhờ ông Toàn điện báo Công an về việc anh H1 bị C, H bắt giữ nên ông Toàn đã điện báo Công an huyện Sơn Động. Khi C, H đang bắt anh H1 quỳ gối ở nhà C thì lực lượng Công an huyện Sơn Động đến nhà C. Khi đến nhà C thì lực lượng Công an thấy anh H1 đang quỳ gối ở nền nhà C nên đã mời C, H, H1 về trụ sở Công an huyện Sơn Động để làm việc.

Tại trụ sở Công an huyện Sơn Động, Nguyễn Văn C đã giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen; 01 giấy vay tiền viết tay; Nguyễn Mạnh H giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh đen kèm theo 01 sim

điện thoại số siri 354560953116469, số sim 0826.111.568.

Ngày 01/8/2019, Nguyễn Văn C giao nộp cho cơ quan điều tra Công an huyện Sơn Động 01 thanh gỗ có chiều dài 25cm, rộng 03cm, dày 1,5cm (hình chữ L), có một đầu vát; 01 thanh gỗ có chiều dài 47,7cm, rộng 03cm, dày 1,02cm.

Ngày 19/9/2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Động đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ việc (BL: 48-58).

Sau khi mời C, H và anh H1 về trụ sở Công an huyện Sơn Động để làm việc, cơ quan điều tra Công an huyện Sơn Động đã tiến hành lấy lời khai của C, H và anh H1. C, H và anh H1 đều khai nhận nội dung vụ việc như trên. Sau khi lấy lời khai của C, H và anh H1 xong cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Động đã cho C, H và anh H1 về nhà.

Đối với anh Phạm Văn H1, ngày 31/7/2019, sau khi làm việc tại Công an huyện Sơn Động xong anh H1 bỏ đi khỏi địa phương, đến nay không biết anh H1 đi đâu, làm gì, ở đâu.

Ngày 27/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Văn C.

Ngày 31/8/2021, đã bắt được H, quá trình bắt giữ không thu giữ đồ vật tài liệu gì của H. Ngày 17/9/2021, đã bắt giữ được C. Quá trình bắt giữ đã thu giữ của C 01 ví dạng da màu nâu; 01 một chứng minh thư nhân dân số 121645260 mang tên Nguyễn Văn C cấp ngày 28/08/2015; 01 nhẫn làm bằng kim loại màu trắng có đính kèm hạt màu đen dạng đá; 01 phiếu nhận hồ sơ kiêm giấy hẹn; 01 điện thoại di động OPPO màu trắng bạc, màn hình ngoài bị vỡ, không kiểm tra trong máy.

Bản Cáo trạng số: 40/CT-VKS-SD ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 và tội “Cướp tài sản” theo điểm h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Mạnh H về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 và tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2022/HS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

1. Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 01 (Một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho 2 tội là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 17/9/2021.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 168; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Mạnh H 04 (Bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Mạnh H 01 (Một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Mạnh H phải chấp hành hình phạt chung cho 2 tội là 05 (Năm) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 31/8/2021.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng ngày 24/01/2022, các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Mạnh H đều kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và đề nghị xem xét lại tội danh “Cướp tài sản” mà tòa sơ thẩm đã xét xử các bị cáo.

Trước khi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Mạnh H có đơn xin rút toàn bộ nội dung đã kháng cáo, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Bị cáo trình độ văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế. Tại phiên tòa bị cáo không có tài liệu, chứng cứ gì mới xuất trình.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn C thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C tranh luận: Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn C về tội “ Bắt giữ người trái pháp luật”, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, bị cáo là lao động chính. Trong vụ án này phía người bị hại cũng có một phần lỗi. Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C đề nghị xem xét lại tội danh “ Cướp tài sản”, thì thấy đây chỉ là quan hệ dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn C đồng ý với luận cứ của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo không tranh luận gì thêm.

Đôi đáp của đại diện VKS: Đối với ý kiến của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C cho rằng trong vụ án này phía người bị hại cũng có lỗi đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Viện kiểm sát thấy người bị hại trong vụ án này không có lỗi nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo. Bị cáo C có hành vi bắt giữ, đánh, đe dọa người bị hại, mục đích ép bị hại phải trả tiền cho bị cáo H nên bị cáo C phạm tội “ Cướp tài sản” như cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Bị cáo C liên tục phạm tội, không chịu lao động làm ăn nên thuộc diện hộ nghèo, do vậy không có căn cứ chấp nhận lời bào chữa của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C cho rằng bị cáo có điều kiện hoàn cảnh khó khăn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo về tội “ Bắt giữ người trái pháp luật”.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

Bị cáo Nguyễn Văn C nói lời sau cùng: đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo về tội “ Bắt giữ người trái pháp luật” và xem xét lại tội “ Cướp tài sản” của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Mạnh H đã được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

Trước khi xét xử phúc thẩm, ngày 21/02/2022, bị cáo Nguyễn Mạnh H đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Tại thông báo rút kháng cáo số: 03/2022/TB -TA ngày 11/3/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có văn bản thông báo gửi cho bị cáo Nguyễn Mạnh H cũng như những người tham gia tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng biết, nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh H,

bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2022/HS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn C thấy: Bị cáo C đều thừa nhận hành vi bắt, giữ người trái pháp luật là đúng. Đối với hành vi “Cướp tài sản” bị cáo Nguyễn Văn C cho rằng hành vi của bị cáo chỉ để dạy dỗ Phạm Văn H1 và không có lời nói đe dọa để H1 phải đưa tiền cho H nên bị cáo không phạm tội “Cướp tài sản”. Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì lời khai ban đầu của bị cáo Nguyễn Văn C tại các bút lục số 101-112; Lời khai của bị cáo Nguyễn Mạnh H tại các bút lục số 155-156, 169-176, 206-207, 208-213; Lời khai của những người làm chứng là anh Nguyễn Tiến Hiệp, Nguyễn Văn Linh đều là cán bộ Công an huyện Sơn Động tại các bút lục 251-254, phù hợp với giấy vay tiền (Các bên đều thừa nhận anh H1 có vay tiền H và hẹn đến ngày 31/7/2019 sẽ trả H) và phù hợp với sự thật khách quan của vụ án là các bị cáo bắt giữ, đánh đập anh H1 để buộc anh H1 phải trả số tiền 5.500.000 đồng cho H, anh H1 cũng cho rằng bị cáo C có đánh anh ở nhà C để yêu cầu anh trả tiền cho H. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã dùng vũ lực đánh, đe dọa anh Phạm Văn H1 để buộc anh H1 phải trả nợ cho Nguyễn Mạnh H số tiền 5.500.000 đồng. Do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, quy định tại Điều 168 BLHS.

Do vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 31/7/2019, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Văn C đã có hành vi bắt anh Phạm Văn H1, sinh năm 1995, trú tại khu 2, thị trấn Nông Trường Thái Bình, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, từ thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang rồi đưa về nhà Nguyễn Văn C ở thôn Mật, xã An Lập (Nay là xã Vĩnh An), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang giữ. C đã dùng vũ lực là dùng tay và gây gỗ đánh anh H1 để buộc anh H1 phải trả nợ cho Nguyễn Mạnh H số tiền 5.500.000 đồng. Khi C và H đang thực hiện hành vi phạm tội thì bị Công an huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang phát hiện.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; với tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm” và tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn C về 02 tội “Cướp tài sản” và “Bắt giữ người trái pháp luật”, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C thấy: Tại phiên tòa, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt và xem xét lại tội danh “Cướp tài sản” mà tòa sơ

thẩm đã xét xử đối với bị cáo, các vấn đề khác của án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Văn C thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Văn C có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” đó là “Tái phạm nguy hiểm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định trong quá trình điều tra truy tố xét xử, bị cáo Nguyễn Văn C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự về tội này. Đối với tội “Cướp tài sản” bị cáo không thành khẩn khai báo, quanh co chối tội nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn C là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án kết án.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân và xâm phạm đến quyền tự do của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mà bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 01 (Một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho 2 tội là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn C không xuất trình được các tình tiết gì mới, do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như lời bào chữa của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo C xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại tội danh “Cướp tài sản” mà tòa sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo, cần giữ nguyên tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn C thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C; Giữ nguyên tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (Một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho 2 tội là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 17/9/2021.

2. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn C.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương